

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ ÂN GIẢM, CHUYỂN HÌNH PHẠT VÀ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH SỬA ĐỔI BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2025

HỒ THỊ PHƯƠNG

Khoa Lý luận chính trị và pháp luật,
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Nhận bài ngày 10/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

This article examines the mechanisms for clemency, sentence commutation, and the enforcement of the death penalty in Vietnam in the context of the 2025 amendments to the Penal Code. The findings reveal several major shortcomings, including the absence of clear criteria and processing time limits for clemency, the risk of inconsistent application of sentence commutation in transitional cases, limited transparency and oversight due to confidentiality requirements, and gaps in post-conviction legal aid. On that basis, the article proposes several recommendations, including the standardization of procedures, criteria, time limits, and notification obligations; the issuance of unified guidance on transitional commutation; the strengthening of post-conviction legal aid; and the establishment of a mechanism for compiling and publishing aggregated data within safe disclosure thresholds in order to improve effectiveness and accountability.

Keywords: 2025 Penal Code, clemency, death penalty, enforcement, sentence commutation.

1. Đặt vấn đề

Hình phạt tử hình là chế tài nghiêm khắc nhất và có hệ quả pháp lý không thể khắc phục. Vì vậy, yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo đảm công bằng thủ tục và tính nhân đạo cần được đặt ở mức cao trong toàn bộ tiến trình tố tụng, đặc biệt ở giai đoạn sau xét xử - nơi việc xem xét ân giảm và tổ chức thi hành án tác động trực tiếp đến việc bảo đảm quyền sống của người bị kết án. Cách tiếp cận này phù hợp với nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ quyền sống theo Điều 6 ICCPR và Bình luận chung số 36 của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc [11, Điều 6].

Ở Việt Nam, định hướng hạn chế áp dụng tử hình đã được xác lập trong Chiến lược cải cách tư pháp, theo đó tử hình chỉ nên áp dụng đối với một số ít tội đặc biệt nghiêm trọng và cần hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp [1, tr. 25 - 30]. Trên bình diện lập pháp, xu hướng thu hẹp phạm vi áp dụng và tăng cường cơ chế không thi hành/chuyển hình phạt tiếp tục được củng cố, đáng chú ý là quy định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với người bị kết án trước 01/7/2025 nhưng chưa thi hành theo Luật số 86/2025/QH15 và hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2025/NQ-HĐTP [8, Điều 40 khoản 3, 4].

Tuy nhiên, định hướng nhân đạo hóa chỉ đạt hiệu lực thực chất khi được triển khai bằng cơ chế sau xét xử có tính dự liệu và kiểm soát được. Thực tiễn cho thấy còn các vấn đề hệ thống như: thiếu tiêu chí và mốc thời hạn xử lý hồ sơ ân giảm; nguy cơ áp dụng không thống nhất cơ chế chuyển hình phạt trong tình huống chuyển tiếp; hạn chế về thống kê và giám sát trong điều kiện yêu cầu bảo mật; và khoảng trống trợ giúp pháp lý sau xét xử. Trên cơ sở đó, bài viết hệ thống hóa khung pháp lý, phân tích các điểm nghẽn thực thi và đề xuất giải pháp theo hướng: + Chuẩn hóa quy trình - tiêu chí - thời hạn ở

mức bảo đảm thủ tục tối thiểu; + Bảo đảm thống nhất áp dụng trong chuyển tiếp; + Tăng trách nhiệm giải trình phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2025 và yêu cầu hoàn thiện cơ chế sau xét xử

2.1.1. Những điều chỉnh có ý nghĩa đối với chế định tử hình

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 tiếp tục thể hiện xu hướng nhân đạo hóa và thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình; đồng thời đặt ra yêu cầu xử lý chuyển tiếp đối với các bản án tử hình đã tuyên trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa thi hành. Trọng tâm của chuyển tiếp không chỉ là “kết quả chuyển hóa” (tử hình sang tù chung thân) mà còn là đường đi thủ tục, gồm: rà soát, lập danh sách; thẩm quyền quyết định; chuyển giao hồ sơ; và cơ chế thông báo nhằm bảo đảm tính dự liệu và thống nhất áp dụng [8, Điều 40 khoản 4].

Về kỹ thuật lập pháp, quy định chuyển tiếp có vai trò bảo đảm tính liên tục của trật tự pháp lý và hạn chế xung đột trong áp dụng pháp luật. Nếu thiếu hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp “án đã tuyên nhưng chưa thi hành” dễ phát sinh cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và làm giảm khả năng dự báo của chính sách hình sự. Do đó, việc ban hành và áp dụng hướng dẫn thống nhất về chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân được xem là mắt xích quan trọng nhằm hạn chế rủi ro áp dụng phân tán trong giai đoạn chuyển tiếp [8, Điều 40 khoản 4].

Việc sửa đổi năm 2025 cũng làm tăng yêu cầu phối hợp liên ngành giữa các chủ thể (tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, cơ sở giam giữ, cơ quan y tế) trong xác minh điều kiện, hoàn thiện hồ sơ và chuyển đổi tình trạng pháp lý của người bị kết án, nhất là các trường hợp liên quan đến sức khỏe hoặc thuộc diện không thi hành/chuyển hình phạt [7, Điều 82 - 90].

2.1.2. Yêu cầu đồng bộ cơ chế sau xét xử trong tổ chức thực thi

Những điều chỉnh ở bình diện quy phạm, đặc biệt là thu hẹp phạm vi áp dụng tử hình và mở rộng các trường hợp không thi hành/chuyển hình phạt, tất yếu đặt ra yêu cầu tái thiết kế đồng bộ cơ chế sau xét xử. Nếu khuôn khổ pháp luật được sửa đổi nhưng quy trình tổ chức thực thi không được chuẩn hóa tương ứng (về trình tự, thẩm quyền, thời hạn và trách nhiệm phối hợp), nguy cơ hình thành khoảng trống điều hành và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan sẽ gia tăng, làm suy giảm tính dự liệu và hiệu lực của chính sách hình sự [8, Điều 40 khoản 4].

Từ góc độ tố tụng - thi hành án cho thấy, cần thiết lập cơ chế liên thông hồ sơ giữa tòa án, viện kiểm sát và cơ quan thi hành án hình sự theo hướng thống nhất điểm “kích hoạt” chuyển tiếp, chuẩn hóa nhóm tài liệu chứng minh (tuổi, tình trạng sức khỏe, quyết định y khoa có thẩm quyền), đồng thời xác định thời hạn xử lý bắt buộc cho từng khâu. Thiết kế này nhằm bảo đảm người bị kết án và các chủ thể liên quan có thể dự liệu được đường đi pháp lý của vụ việc, phù hợp với yêu cầu về thủ tục công bằng và bảo vệ quyền sống theo chuẩn mực quốc tế [7, Điều 82 - 90].

Ở bình diện tổ chức thi hành, khung pháp lý hiện hành đòi hỏi chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và kiểm soát rủi ro liên ngành trong các khâu kỹ thuật (y tế, quản lý thuốc, lập biên bản, lưu trữ hồ sơ), gắn với cơ chế giám sát hiệu quả [7, Điều 82 - 90], [8, Điều 40 khoản 4]. Việc chuẩn hóa và số hóa theo dõi “vòng đời” của án tử hình từ tuyên án, kháng nghị, xin ân giảm, chuyển hình phạt đến thi hành không chỉ có ý nghĩa quản trị mà còn tạo nền tảng dữ liệu cho thanh tra, kiểm sát và đánh giá chính sách dựa trên bằng chứng, tiệm cận các khuyến nghị quốc tế về minh bạch, trách nhiệm giải trình và đối xử nhân đạo đối với người bị tước tự do [11, Điều 6, Điều 10], [10, tr. 4-45].

2.1.3. Nguyên tắc định hướng hoàn thiện

Việc hoàn thiện cơ chế sau xét xử trong tổ chức thực thi các quy định về tử hình cần được dẫn dắt bởi một hệ nguyên tắc nhất quán, bao gồm: + Bảo đảm quyền con người, với trọng tâm là quyền sống; + Bảo đảm tính dự liệu và thống nhất trong áp dụng pháp luật; + Minh bạch ở mức độ phù hợp, gắn với trách nhiệm giải trình; + Kiểm soát quyền lực thông qua cơ chế giám sát hiệu quả; + Quản trị dựa

trên bằng chứng, thông qua hệ thống dữ liệu thống kê được chuẩn hóa.

Các nguyên tắc này phản ánh yêu cầu cân bằng giữa nhân đạo hóa chính sách hình sự và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của hoạt động tư pháp hình sự trong bối cảnh thu hẹp phạm vi áp dụng tử hình.

Để tránh dừng lại ở mức độ tuyên ngôn, các nguyên tắc nêu trên cần được cụ thể hóa thành các chuẩn mực vận hành tối thiểu trong tổ chức thực thi. Trước hết, cần xác lập mốc thời hạn nghiệp vụ rõ ràng và cơ chế theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ theo từng khâu của quá trình sau xét xử. Bên cạnh đó, cần ban hành hướng dẫn thống nhất và bộ hồ sơ tối thiểu áp dụng trên phạm vi toàn quốc đối với các trường hợp chuyển tiếp nhằm hạn chế cách hiểu và vận dụng khác nhau giữa các địa phương. Đồng thời, cơ chế thống kê và công bố dữ liệu tổng hợp cần được thiết kế theo các ngưỡng an toàn phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu giám sát và đánh giá chính sách, vừa bảo đảm giới hạn tiếp cận thông tin và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước. Cuối cùng, việc tăng cường kiểm sát, kiểm tra nội bộ và định kỳ, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể có thẩm quyền là điều kiện cần thiết để bảo đảm các nguyên tắc định hướng được thực thi một cách thực chất và bền vững.

2.2. Cơ sở pháp lý về ân giảm, chuyển hình phạt và thi hành án tử hình

2.2.1. Cơ sở pháp lý về ân giảm

Ân giảm đối với người bị kết án tử hình gắn với thẩm quyền hiến định của chủ thể có thẩm quyền và được thừa nhận trong pháp luật hình sự như một cơ chế đặc biệt phát sinh sau khi bản án có hiệu lực [11, Điều 6 khoản 4], [10, tr. 47]. Ở góc độ bảo đảm quyền con người, ân giảm vận hành như “van an toàn” cuối cùng để xem xét các tình tiết đặc biệt, nguy cơ sai lầm tư pháp hoặc yếu tố mới có thể ảnh hưởng đến việc thi hành hình phạt không thể khắc phục. Đồng thời, cơ chế này thể hiện tính nhân đạo và góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước ở giai đoạn sau xét xử.

Vì vậy, khung pháp lý và cơ chế thực thi về ân giảm cần bảo đảm tối thiểu: + Quy trình tiếp nhận - thẩm tra - đề xuất rõ ràng; + Thành phần hồ sơ cơ bản và tiêu chuẩn thông tin cần thiết; + Trách nhiệm phối hợp, xác minh giữa các cơ quan liên quan; + Các bảo đảm thủ tục tối thiểu cho người bị kết án (được thông báo, được hỗ trợ pháp lý trong phạm vi phù hợp, được nộp bổ sung tài liệu theo quy định).

2.2.2. Cơ sở pháp lý về chuyển hình phạt

Chuyển hình phạt từ tử hình sang tù chung thân là cơ chế pháp lý làm thay đổi hậu quả của bản án trong các trường hợp pháp luật quy định không thi hành án tử hình, trường hợp được ân giảm, hoặc trong tình huống chuyển tiếp khi pháp luật mới loại bỏ tử hình đối với một số tội danh/nhóm trường hợp. Theo khoản 4 Điều 40 Bộ luật Hình sự, nếu người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp không thi hành, hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân [8, Điều 40 khoản 4]. Các sửa đổi năm 2025 và hướng dẫn thi hành càng làm nổi bật yêu cầu áp dụng thống nhất đối với các bản án đã tuyên trước thời điểm luật mới có hiệu lực nhưng chưa thi hành [3, Điều 1].

Do cơ chế chuyển hình phạt tác động trực tiếp đến tình trạng pháp lý của người bị kết án và kéo theo hệ quả thi hành án (chế độ giam giữ, tính thời hạn chấp hành, điều kiện xem xét giảm án...), pháp luật cần xác định đủ rõ: + Thẩm quyền ra quyết định; + Trình tự, hồ sơ tối thiểu và cơ chế chuyển giao - cập nhật hồ sơ; + Thời hạn xử lý và cơ chế thông báo; qua đó hạn chế vùng xám và giảm rủi ro áp dụng không thống nhất trong thực tiễn.

2.2.3. Khung pháp lý về thi hành án tử hình

Thi hành án tử hình là hoạt động hành chính - tư pháp đặc thù, được điều chỉnh bởi pháp luật thi hành án hình sự và các văn bản quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thi hành. Dưới góc độ chuẩn mực quốc tế về quyền con người, việc thi hành án phải được tổ chức theo quy trình kiểm soát chặt chẽ nhằm phòng ngừa đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc hạ nhục, đồng thời bảo đảm yêu cầu giảm thiểu đau đớn trong phạm vi có thể [10, tr. 12-18].

Chất lượng thực thi phụ thuộc vào mức độ chuẩn hóa nghiệp vụ, năng lực phối hợp liên ngành (cơ quan thi hành án, cơ sở giam giữ, cơ sở y tế và các chủ thể liên quan) và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu

quả. Đồng thời, hoạt động này đòi hỏi cân bằng giữa yêu cầu bảo mật thông tin và nhu cầu minh bạch dữ liệu tổng hợp phục vụ quản trị, thanh tra, kiểm sát và đánh giá chính sách [5, Điều 4], [6, Điều 7].

Các quy định về hồ sơ, kiểm soát y tế, lập biên bản, lưu trữ tài liệu và trách nhiệm báo cáo là những “điểm tựa” quan trọng để kiểm soát rủi ro, tăng trách nhiệm giải trình và hạn chế sai sót nghiệp vụ trong thi hành án tử hình [7, Điều 82 - 90].

2.3. Thực trạng áp dụng và những vấn đề đặt ra

2.3.1. Một số kết quả đạt được

Chính sách hình sự Việt Nam tiếp tục thể hiện xu hướng nhân đạo hóa thông qua việc thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình và mở rộng các trường hợp không thi hành; sửa đổi năm 2025 là bước phát triển đáng chú ý trong lộ trình này [8, Điều 1, 2]. Song song với đó, việc hoàn thiện khuôn khổ thi hành án hình sự đã góp phần tạo nền tảng pháp lý cho công tác quản lý giam giữ, chăm sóc y tế và kiểm tra, giám sát trong tổ chức thi hành án [7, Điều 4 và Điều 82 - 90]. Ở phương diện tổ chức thực thi, một số thực hành quản trị như số hóa hồ sơ thi hành án, tăng cường phối hợp liên ngành và kiểm tra nội bộ đã góp phần giảm sai sót nghiệp vụ. Tuy nhiên, mức độ triển khai còn chưa đồng đều giữa các địa phương và phụ thuộc đáng kể vào điều kiện nguồn lực, năng lực cán bộ và cơ chế liên thông dữ liệu.

2.3.2. Bất cập và khoảng trống trong cơ chế ân giảm

Tiêu chí xem xét ân giảm chưa được chuẩn hóa ở mức đủ để bảo đảm tính dự liệu. Khi tiêu chí mang tính định tính hoặc phân tán, việc đánh giá có nguy cơ thiếu nhất quán giữa các trường hợp tương đồng, làm suy giảm khả năng dự báo của người bị kết án và cơ quan áp dụng.

Chưa có mốc thời hạn xử lý rõ ràng đối với từng khâu của quy trình, dẫn đến nguy cơ kéo dài thời gian xử lý và hạn chế hiệu quả quản trị.

Cơ chế thông báo và bảo đảm quyền thủ tục tối thiểu cho người bị kết án và thân nhân về tiến độ xử lý còn hạn chế; trong khi đó, thiếu trợ giúp pháp lý chuyên biệt sau xét xử có thể làm giảm khả năng tiếp cận công lý ở giai đoạn cuối.

Cơ chế trách nhiệm giải trình trong xử lý hồ sơ xin ân giảm cần được củng cố theo hướng tối thiểu hóa tính tùy nghi, bảo đảm kiểm soát quyền lực trong bối cảnh hình phạt tử hình đòi hỏi mức bảo đảm thủ tục cao nhất.

2.3.3. Bất cập và thách thức trong cơ chế chuyển hình phạt (sau sửa đổi năm 2025)

Cơ chế chuyển hình phạt trong tình huống chuyển tiếp (án tử hình đã tuyên trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa thi hành) đòi hỏi “đường đi thủ tục” đủ rõ về thẩm quyền ra quyết định, hồ sơ tối thiểu, thời hạn và trách nhiệm phối hợp. Nếu các khâu này không được hướng dẫn thống nhất, nguy cơ hiểu khác và áp dụng khác giữa các cơ quan/địa phương sẽ gia tăng [8, Điều 4 khoản 2 và khoản 3].

Đối với các căn cứ không thi hành liên quan đến tuổi và bệnh lý, thách thức thực thi nằm ở việc chuẩn hóa tiêu chuẩn xác nhận và cơ chế cập nhật tình trạng, đặc biệt đối với trường hợp bệnh nặng cần kết luận y khoa có thời hạn và cơ sở chuyên môn phù hợp. Nếu thiếu chuẩn kỹ thuật, có thể phát sinh nghi ngại về công bằng và minh bạch trong áp dụng [8, Điều 40 khoản 3].

Thực tiễn có thể xuất hiện “đứt gãy thông tin” giữa cơ quan xét xử và cơ quan thi hành án trong cập nhật tình trạng pháp lý và chuyển giao hồ sơ, dẫn đến chậm trễ trong ra quyết định chuyển hình phạt và kéo dài thời gian xử lý [7, Điều 18].

2.3.4. Bất cập và thách thức trong thi hành án tử hình

Yêu cầu chuẩn hóa thi hành án tử hình theo hướng nhân đạo và kiểm soát rủi ro đặt ra nhu cầu cụ thể hóa các chuẩn nghiệp vụ về kiểm soát y tế, lập biên bản, lưu trữ hồ sơ và cơ chế giám sát phù hợp, bảo đảm nguyên tắc giảm thiểu đau đớn trong phạm vi có thể.

Thiếu cơ chế thống kê và công bố dữ liệu tổng hợp (ở mức độ an toàn) về số lượng án tuyên, thi hành, chuyển hình phạt và ân giảm làm giảm khả năng đánh giá chính sách dựa trên bằng chứng và

hạn chế điều kiện cho giám sát xã hội phù hợp.

Cách thức cân bằng giữa bảo mật và minh bạch chưa được chuẩn hóa theo “ngưỡng công bố” và chu kỳ công bố; hệ quả là hoặc quá kín dẫn đến suy giảm niềm tin hoặc công bố không kiểm soát làm gia tăng rủi ro suy luận ngược, ảnh hưởng quyền riêng tư và an ninh thông tin.

2.3.5. Thách thức mang tính hệ thống

Các thách thức mang tính hệ thống cản ngang toàn bộ cơ chế sau xét xử gồm: - Đồng bộ hóa pháp luật giữa Bộ luật Hình sự, pháp luật tố tụng và pháp luật thi hành án hình sự, đặc biệt tại các điểm giao thoa về thẩm quyền, trình tự và thời hạn; - Phối hợp liên ngành trong rà soát, xác minh điều kiện, chuyển giao và cập nhật hồ sơ; nếu thiếu đầu mối rõ ràng dễ dẫn đến đùn đẩy trách nhiệm hoặc đứt gãy thông tin; - Năng lực thực thi và chuẩn hóa nghiệp vụ còn chênh lệch giữa các địa phương, làm gia tăng nguy cơ áp dụng không thống nhất; - Quản trị dữ liệu và chuyển đổi số trong theo dõi tình trạng pháp lý, thời hạn xử lý và thống kê phục vụ kiểm tra, tổng kết chính sách.

Vì vậy, nếu không xử lý các thách thức này theo tiếp cận hệ thống (chuẩn hóa quy trình - liên thông dữ liệu - phân định trách nhiệm), các giải pháp đơn lẻ sẽ khó tạo ra thay đổi bền vững trong đầu ra thực thi.

2.4. Kiến nghị hoàn thiện

2.4.1. Chuẩn hóa cơ chế ân giảm theo hướng dự liệu được và có trách nhiệm giải trình

Cần ban hành hướng dẫn quy trình ân giảm với các cấu phần tối thiểu: tiêu chí xem xét; thành phần hồ sơ; quyền nộp, bổ sung tài liệu; nghĩa vụ thông báo; cơ chế giải trình tối thiểu. Đồng thời, xác lập thời hạn xử lý theo từng khâu để kiểm soát chậm trễ và tăng tính dự liệu.

Có thể thiết kế bộ tiêu chí mở nhưng có ngưỡng/chuẩn tối thiểu đối với một số yếu tố (nhân thân, hoàn cảnh, dấu hiệu sai lầm tư pháp, tác động của thay đổi chính sách hình sự) nhằm bảo đảm linh hoạt mà vẫn hạn chế tùy nghi trong đánh giá.

2.4.2. Hoàn thiện cơ chế chuyển hình phạt và hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định chuyển tiếp

Cần bảo đảm hướng dẫn áp dụng thống nhất đối với trường hợp án đã tuyên nhưng chưa thi hành khi pháp luật mới loại bỏ tử hình đối với một số tội danh, bao gồm: thẩm quyền ra quyết định, quy trình, hồ sơ, thời hạn giải quyết và chế độ thông báo.

Song song với đó cần chuẩn hóa tiêu chuẩn xác nhận các căn cứ không thi hành liên quan đến tuổi và bệnh lý, nhất là yêu cầu về kết luận chuyên môn, thời hạn hiệu lực của kết luận và cơ chế xử lý khi có khác biệt chuyên môn.

Để hạn chế phân mảnh áp dụng, có thể ban hành mẫu hồ sơ và mẫu quyết định thống nhất trên phạm vi toàn quốc, gắn với quy trình số hóa và theo dõi thời hạn.

2.4.3. Nâng cao việc bảo đảm nhân đạo và kiểm soát quyền lực trong thi hành án tử hình

Hoàn thiện thi hành án theo hướng chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và hồ sơ; tăng cường kiểm tra, giám sát để phòng ngừa sai sót và bảo đảm điều kiện giam giữ, chăm sóc y tế và tiếp xúc thân nhân trong giới hạn luật định, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo.

Cần tăng cường đào tạo chuyên sâu cho lực lượng thực thi về quy tắc ứng xử, xử lý tình huống và quy trình y tế, qua đó giảm rủi ro phát sinh sự cố trong quá trình tổ chức thi hành.

2.4.4. Minh bạch dữ liệu, tăng cường giám sát và phát triển trợ giúp pháp lý sau xét xử

Đề xuất thiết lập hệ thống thống kê chính thức và công bố định kỳ dữ liệu tổng hợp về án tử hình ở mức độ phù hợp, không xâm phạm bí mật nhà nước và quyền riêng tư nhằm tăng năng lực đánh giá chính sách dựa trên bằng chứng. Việc công bố có thể theo mô hình ẩn danh, tổng hợp theo năm và nhóm tội danh, kèm thuyết minh phương pháp thống kê. Đồng thời, cần củng cố trợ giúp pháp lý sau xét xử đối với nhóm án tử hình nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý ở giai đoạn cuối và giảm thiểu rủi ro không thể khắc phục; cơ chế trợ giúp cần gắn với tiêu chuẩn năng lực, quy trình tiếp nhận và phối hợp với cơ sở giam giữ.

3. Kết luận

Sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2025 phản ánh rõ nét xu hướng nhân đạo hóa và thận trọng hơn trong việc áp dụng hình phạt tử hình ở Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu trong bài viết cho thấy, giá trị nhân đạo của các sửa đổi lập pháp chỉ được hiện thực hóa khi đi kèm với một cơ chế sau xét xử được thiết kế chặt chẽ, vận hành thống nhất và có khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước một cách hiệu quả. Trong lĩnh vực mà hậu quả pháp lý mang tính không thể khắc phục, những thiếu hụt về thủ tục, tiêu chí hay thời hạn xử lý không đơn thuần là vấn đề kỹ thuật mà có thể trực tiếp ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền sống và công bằng thủ tục.

Phân tích thực trạng cho thấy, cơ chế ân giảm, chuyển hình phạt và thi hành án tử hình hiện nay vẫn tồn tại các khoảng trống mang tính cấu trúc, biểu hiện ở tính dự liệu còn hạn chế, nguy cơ áp dụng không thống nhất trong bối cảnh chuyển tiếp pháp luật cũng như sự mất cân bằng giữa yêu cầu bảo mật và nhu cầu giám sát, đánh giá chính sách. Những bất cập này đặt ra yêu cầu phải tiếp cận cơ chế sau xét xử như một chỉnh thể liên thông, thay vì xử lý rời rạc từng khâu hoặc trông chờ vào các giải pháp mang tính tình thế.

Trên cơ sở tiếp cận quyền con người và yêu cầu kiểm soát quyền lực trong tổ tụng hình sự, bài viết khẳng định việc hoàn thiện cơ chế sau xét xử đối với án tử hình cần được đặt trong logic quản trị tư pháp hiện đại, nơi tính nhân đạo, tính dự liệu, trách nhiệm giải trình và quản trị dựa trên bằng chứng là các trụ cột không thể tách rời. Việc chuẩn hóa quy trình và thời hạn, hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật trong giai đoạn chuyển tiếp, thiết lập cơ chế thống kê - công bố dữ liệu tổng hợp theo ngưỡng an toàn cũng như tăng cường trợ giúp pháp lý sau xét xử không chỉ nhằm bảo vệ quyền của người bị kết án mà còn góp phần nâng cao chất lượng thực thi và tính chính danh của quyền lực tư pháp. Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, cơ chế ân giảm, chuyển hình phạt và thi hành án tử hình cần được nhìn nhận như một “thước đo” của mức độ nhân đạo và kiểm soát quyền lực trong hệ thống tư pháp hình sự. Những phân tích và kiến nghị trong bài viết kỳ vọng đóng góp thêm cơ sở khoa học cho quá trình hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực thi, qua đó bảo đảm rằng các cải cách lập pháp về hình phạt tử hình được triển khai một cách thận trọng, nhất quán và bền vững trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
- [2] Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2024). *Thực tiễn áp dụng quy định về không thi hành án tử hình*. Trong: *Kỷ yếu hội thảo khoa học về sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2025*. NXB Tư pháp, Hà Nội.
- [3] Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2025). *Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 hướng dẫn áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15*.
- [4] Lê Văn Cường (2024). *Một số điểm mới của Bộ luật Hình sự: Nhìn từ góc độ chính sách hình sự*. Nguồn: <https://lsvn.vn/mot-so-diem-moi-cua-bo-luat-hinh-su-nhin-tu-goc-do-chinh-sach-hinh-su-a160958.html>, ngày 02/08/2025.
- [5] Quốc hội (2016). *Luật Tiếp cận thông tin*. Luật số 104/2016/QH13, ngày 06/4/2016.
- [6] Quốc hội (2018). *Luật Bảo vệ bí mật nhà nước*. Luật số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018.
- [7] Quốc hội (2019). *Luật Thi hành án hình sự*. Luật số 41/2019/QH14, ngày 14/6/2019.
- [8] Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*. Luật số 86/2025/QH15, ngày 25/6/2025.
- [9] Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng hình sự*. Luật số 87/2025/QH15, ngày 27/06/2025.
- [10] UN Human Rights Committee (2018). *General Comment No. 36 on Article 6 (Right to Life)*. CCPR/C/GC/36.
- [11] International Covenant on Civil and Political Rights (1966). *United Nations Treaty Series*, Vol. 999.